



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN
KHOA NGOẠI NGỮ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **LÝ THUYẾT DỊCH**
- Mã học phần: CHI422
- Số tín chỉ: 3 (3/0/6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Tiếng Trung tổng hợp 4
- Đơn vị phụ trách: Khoa Ngoại ngữ
- Số giờ tín chỉ: 3, trong đó:
 - Lý thuyết: 3 45 tiết (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
 - Thực hành: 0 tiết (1 tín chỉ TH = 30 tiết)

2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Phạm Thị Diễm Chi
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0989. 051809
- Email: chiptd@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Nguyễn Tấn Trường An
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0901453501
- Email: Anntt@vhu.edu.vn

3. Tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lý thuyết dịch là học phần thuộc khối kiến thức chọn theo chuyên ngành trong chương trình đào tạo của chuyên ngành tiếng Trung Biên Phiên Dịch. Học phần gồm 9 bài cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết dịch nói và dịch

VHU.CTDT.BM02



viết như dịch số từ, hư từ, đại từ, đoan ngữ, thuật ngữ và thành ngữ, câu đặc biệt, câu dài... Học phần này giúp sinh viên nắm vững lý thuyết dịch nói và dịch viết ở mức độ đơn giản, dễ hiểu (khái niệm, đặc điểm, phân loại, yêu cầu trong dịch thuật...), qua đó giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng dịch nói và dịch viết trong thực tế.

4. Mục tiêu của học phần

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về lý thuyết dịch nói và lý thuyết dịch viết.
- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về dịch từ, thành ngữ, thuật ngữ, dịch câu dài, dịch câu đặc biệt v.v..
- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về lý thuyết dịch, phương pháp dịch.
- Trang bị kiến thức về lý luận và thực tiễn phiên dịch, giúp sinh viên có phương pháp dịch chính xác.
- Phát triển kỹ năng phân tích, lập luận, và thuyết trình hiệu quả.

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
Kiến thức	
CLO1	Ghi nhớ các khái niệm, định nghĩa, phân loại, quá trình, tiêu chuẩn của phiên dịch ở mức độ cơ bản.
CLO2	Có thể dịch được chính xác từ tiếng Việt sang tiếng Trung và từ tiếng Trung sang tiếng Việt ở mức độ từ, cụm từ, thuật ngữ, câu v.v..
CLO3	So sánh, đối chiếu ngữ pháp, cách diễn đạt của 2 loại ngôn ngữ Trung Việt ở mức độ cơ bản.
CLO4	Hiểu và áp dụng chính xác các điểm ngữ pháp, từ vựng, và lý thuyết đã học vào trong hoàn cảnh biên phiên dịch thực tế như giao tiếp, văn hóa, xã hội v.v..
CLO5	Sử dụng tin học văn phòng để tra cứu, tìm hiểu kiến thức liên quan đến cách biểu đạt, từ vựng và các lý luận liên quan đến biên phiên dịch.
Kỹ năng	
CLO6	Hình thành kỹ năng biên phiên dịch chính xác ở những nội dung khác nhau trong đời sống, xã hội thực tế
CLO7	Hình thành khả năng biên phiên dịch chính xác và nhanh chóng ở trình độ cơ bản, tạo nền tảng cho hệ thống kiến thức biên phiên dịch về sau.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra (Bắt đầu bằng động từ theo thang Bloom)
CLO8	- Tự lên kế hoạch, định hướng phương pháp học tập độc lập, nâng cao hiệu quả học tập.
CLO9	- Tự lên kế hoạch tham gia học nhóm, để hỗ trợ cho nhau trong quá trình chuẩn bị bài và ôn bài.
CLO10	- Rèn luyện thái độ chuyên cần và nghiêm túc trong học tập

Ma trận liên kết giữa CDR chương trình đào tạo và CDR học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1		X										
CLO2		X										
CLO3		X									X	
CLO4		X					X					
CLO5			X	X		X						X
CLO6		X										X
CLO7		X								X	X	
CLO8					X			X				X
CLO9					X				X	X		X
CLO10							X				X	X

Ghi chú: *PLOs (Programme Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra cấp CTĐT*

CLOs (Course Learning Outcomes): Chuẩn đầu ra học phần

6. Nội dung chi tiết của học phần

6.1. Lý thuyết

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 1	第一章：翻译理论基础知识	CLO1, CLO 6, CLO7
1.1.	1. 什么是翻译	
1.2.	2. 翻译的种类	
1.3.	3. 翻译过程	
1.4.	4. 翻译标准	
1.5.	5. 做好翻译工作的基本条件	

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
Chương 2	第二章：越语汉语称数法的对比和越语数词的翻译	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
2.1.	1. 系位数词的对比和翻译	
2.2.	2. 倍数说法的对比和翻译	
2.3.	3. 百分数说法的对比和翻译 练习题	
Chương 3	第三章：越语汉语人称代词的对比和越语人称代词的翻译	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
3.1.	1. 人称代词的感情色彩	
3.2.	2. 家族称谓名词用做人称代词	
3.3.	3. 家族称谓名词与人称代词组合的特殊意义	
3.4.	4. 两个特殊的人称代词 “mình” 和 “nhà” 的译法	
3.5.	5. 人称代词 “người ta” 的翻译 练习题	
Chương 4	第四章：越语中汉语借词的词义演变和翻译中对汉语借词的处理	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
4.1.	1. 汉语借词是越语词汇的重要组成部分	
4.2.	2. 翻译中必须注意汉语借词的词义演变	
4.1.	3. 汉语借词词义演变的两种主要模式	
4.2.	越译汉中对汉语借词的处理 练习题	
Chương 5	第五章：虚词的翻译	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
5.1.	1. 虚词在越语中的重要作用	
5.2.	2. 若干常用虚词的译法 练习题	
Chương 6	第六章：成语的翻译	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
6.1.	1. 用同义的汉语成语翻译越语成语	

Chương	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.	2. 尽可能保留原文的形象	
6.3.	3. 译出原文成语的含义	
6.4.	4. 对汉根成语的处理	
	练习题	
Chương 7	第七章：越语汉语定语的对比及翻译	CLO2, CL03, CLO4, CLO6, CL07
7.1.	1. 前置定语	
7.2.	2. 后置定语	
7.3.	3. 注意分清定语和谓语的界限	
	4. 仔细识别定语修饰的范围或对象 练习题	
Chương 8	第八章：长句的翻译	CLO1, CLO 6, CLO7
8.1.	1. 顺序译法	
8.2.	2. 逆序译法	
8.3.	3. 拆译法	
	练习题	

6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	Bài tập cá nhân	
	Người học tự làm bài tập và chuẩn bị bài tập trước ở nhà, sau khi học lý thuyết trên lớp, giảng viên sửa bài tập, và cho bài tập dạng đọc viết cho sinh viên luyện thêm.	CLO8, CLO10
6.2.2.	Bài tập nhóm	
	- Người học chủ động làm việc với nhóm, sau khi đã được hướng dẫn của giảng viên. - Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp.	CL09

7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	第一章	5			10		
2	第二章	5			10		
3	第三章	5			10		
4	第四章	5			10		
5	第五章	5			10		
6	第五章、第六章	5			10		
7	第六章，期中考试	5			10		
8	第七章	5			10		
9	第八章，复习	5			10		
Tổng		45			90		

8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết giảng
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Hỏi-đáp
- Hướng dẫn làm bài và sửa bài
- Làm việc cá nhân / theo nhóm
- Bài tập về nhà kết hợp với chiến lược tự học của sinh viên
- Tích hợp công nghệ: sử dụng PPT, phương tiện nghe nhìn bổ sung bài giảng;

ứng dụng triệt để các phương pháp dạy học trực tuyến trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh, thiên tai v.v.. để đảm bảo chuẩn đầu ra.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Thuyết giảng	X	X								
Đọc và tóm lược nội dung tài liệu				X						
Hỏi - đáp			X							
Bài tập dịch thực tế					X					
Làm việc cá nhân / theo nhóm								X	X	

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Bài tập về nhà kết hợp với chiến lược tự học của sinh viên										X
Tích hợp công nghệ: sử dụng PPT, phương tiện nghe nhìn bổ sung bài giảng; ứng dụng triệt để các phương pháp dạy học trực tuyến trong các hoàn cảnh đặc biệt như dịch bệnh, thiên tai v.v.. để đảm bảo chuẩn đầu ra.						X				

9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- 9.1. Chuẩn bị kỹ từ vựng, nội dung bài khóa trước khi đến lớp.
- 9.2. Nghe giảng, nêu thắc mắc, sẵn sàng tham gia các hoạt động trên lớp; chủ động tích cực hợp tác với GV và bạn học để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- 9.3. Thường xuyên ôn bài; thực hiện tốt việc tự học, làm đầy đủ bài tập.
- 9.4. Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra trong lớp và cuối kỳ.

Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
1	X					X	X			X
2		X						X	X	X
3								X	X	X
4										X

10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Chuyên cần tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc trước bài giảng và các tài liệu liên quan trước khi đến lớp học.
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Tích cực tham gia đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.

- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

11. Thang điểm đánh giá: Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: trọng số 20%, trong đó 10% tham gia đầy đủ các buổi học, 5% tham gia tốt các hoạt động trên lớp, 5% kiểm tra đánh giá thường xuyên.
- Kiểm tra giữa kỳ: trọng số 20%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: tổng hợp (Tự luận, trắc nghiệm)

Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá

Hình thức đánh giá		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8	CLO9	CLO10
Quá trình 40%	- Chuyên cần: tham gia đầy đủ các buổi học 10% (giảng viên điểm danh mỗi ngày)										X
	- Thái độ: tham gia tốt các hoạt động trên lớp 10% (sinh viên tham gia các hoạt động trên lớp giảng viên ghi nhận và tính điểm như: bài tập về nhà, bài tập trên lớp, hỏi đáp, đánh hoạt động cá nhân v.v..)	X	X	X	X		X	X	X	X	X
	- Kiểm tra: các bài kiểm tra trong quá trình giảng dạy (sinh viên làm bài kiểm tra theo đề tự luận do giảng viên yêu cầu, giảng viên chấm và sửa bài)	X	X	X	X		X	X	X	X	X
Cuối kỳ 60%	Sinh viên làm bài kiểm tra tự luận, trắc nghiệm cuối kỳ bao gồm lý thuyết và thực hành đọc viết (SV làm bài kiểm tra GV chấm theo sự phân công của khoa)	X	X	X	X		X	X	X	X	X

13. Tài liệu phục vụ cho học phần

13.1. Tài liệu chính

- 赵玉兰，越汉翻译教程，北京大学出版社（2023 年）

13.2. Tài liệu tham khảo

- 韦长福、林莉、梁茂华，汉越口译理论与实现，重庆大学出版社（修订本 2017 年）

TP.Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2022



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Minh Đức

Trưởng Khoa/Bộ môn

Nguyễn Văn Trường An
NGUYỄN VĂN TRƯỜNG AN

Giảng viên biên soạn

Phạm Thị Diễm Chi
Phạm Thị Diễm Chi

TO TẠ